

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2022/DS-ST

Ngày 18 – 5 – 2022

“V/v tranh chấp nợ hụi và HD vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hoàng Sơn

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Kim Luyến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 383/2021/TLST- DS ngày 02/11/2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp nợ hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXXST- DS ngày 27/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông T, sinh năm 1980. Có mặt.

Bà T, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Số 367, L, khóm H, phường H, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn T: Ông N, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Ánh Sáng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau. Có mặt.

- Bị đơn: Ông V, sinh năm 1987;

Bà L, sinh năm 1987.

Cùng nơi cư trú: Số 37, ấp 3, xã Tác Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà H, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Số 26/6, đường L, khóm P, phường Q, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2021, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa Ông T, Bà T trình bày:

Vào ngày 10 tháng 8 năm 2018 âm lịch vợ chồng Ông T và Bà T có làm chủ hụi mở 02 dây hụi 5 triệu đồng cho nhiều người tham gia; hụi mãn vào ngày 30 tháng 5

năm 2020 âm lịch, trong đó vợ chồng Ông V và Bà L tham gia chơi 04 chân hụi (phần hụi), cụ thể như sau:

Vợ chồng ông bà có mở hai dây hụi (dây hụi thứ nhất và dây hụi thứ hai), hụi 5.000.000 đồng; mỗi dây có 30 phần hụi; tiền đầu thảo 3.000.000 đồng; 20 ngày khui một lần vào ngày 10 và ngày 30 hàng tháng; hụi mãn vào ngày 30/5/2020 âm lịch. Bà L và Ông V tham gia mỗi dây hụi 02 phần hụi.

Đối với phần hụi 01 của dây hụi thứ nhất: Bà L hốt lần thứ 6 vào ngày 20/01/2019 âm lịch, Bà L bỏ hụi 1.930.000 đồng; số tiền hốt được 98.680.000 đồng (trừ một phần hụi sống dây hụi thứ nhất là 1.070.000 đồng; trừ tiền đầu thảo 3.000.000 đồng) số tiền còn lại giao hụi cho vợ chồng Bà L, Ông V là 92.610.000 đồng; Bà L, Ông V đóng hụi chết 21 lần thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 09 lần hụi chết chưa đóng với số tiền là 45.000.000 đồng.

Đối với phần hụi 01 của dây hụi thứ hai: Bà L hốt lần thứ 6 vào ngày 20/01/2019 âm lịch, Bà L bỏ hụi 1.870.000 đồng; số tiền hốt được 100.120.000 đồng (trừ một phần hụi sống dây hụi 2 là 3.130.000 đồng; trừ tiền đầu thảo 3.000.000 đồng) số tiền còn lại giao hụi cho vợ chồng Bà L, Ông V là 93.990.000 đồng; Bà L, Ông V đóng hụi chết 21 lần thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 09 lần hụi chết chưa đóng với số tiền là 45.000.000 đồng.

Đối với phần hụi 02 của dây hụi thứ nhất: Bà L hốt lần thứ 9 vào ngày 20/3/2019 âm lịch, Bà L bỏ hụi 1.810.000 đồng; số tiền hốt được 106.990.000 đồng (trừ một phần hụi chết dây hụi thứ nhất và 02 phần hụi chết dây hụi thứ hai là 15.000.000 đồng; trừ tiền đầu thảo 3.000.000 đồng) số tiền còn lại giao hụi cho vợ chồng Bà L, Ông V là 88.990.000 đồng; Bà L, Ông V đóng hụi chết 21 lần thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 09 lần hụi chết chưa đóng với số tiền là 45.000.000 đồng.

Đối với phần hụi 02 của dây hụi thứ hai: Bà L hốt lần thứ 7 vào ngày 10/02/2019 âm lịch, Bà L bỏ hụi 1.790.000 đồng; số tiền hốt được 106.950.000 đồng (trừ một phần hụi chết dây hụi thứ nhất và 02 phần hụi chết dây hụi thứ hai là 15.000.000 đồng; trừ tiền đầu thảo 3.000.000 đồng) số tiền còn lại giao hụi cho vợ chồng Bà L, Ông V là 88.990.000 đồng; Bà L, Ông V đóng hụi chết 21 lần thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 09 lần hụi chết chưa đóng với số tiền là 45.000.000 đồng.

Đến tháng 4/2021 Bà L và Ông V đã trả 5.500.000 đồng nên tổng số tiền Bà L, Ông V nợ tiền hụi chết chưa đóng là 174.000.000 đồng; tiền lãi chậm trả tính từ ngày 23/7/2020 âm lịch đến nay là 20 tháng; lãi suất 1,66%/tháng bằng tổng số tiền là 57.434.000 đồng.

Ngoài khoản tiền nợ hụi, do chỗ quen biết nên vào ngày 23/3/2020 âm lịch, vợ chồng ông bà có cho Ông V và Bà L vay tổng số tiền là 1.123.800.000 đồng; khi vay có thỏa thuận miệng góp trong thời hạn 04 tháng; lãi suất 5%/tháng trên số tiền góp và tiền đứng; mục đích vay phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vào thời điểm hai bên giao nhận tiền không có giấy tờ gì thể hiện. Đến ngày 23/7/2020 âm lịch do vợ chồng Ông V và Bà L không thực hiện trả tiền vốn và lãi nên Bà L mới viết biên nhận ngày 23/7/2020 âm lịch chốt nợ lại với vợ chồng ông bà là tổng

số tiền vợ chồng Ông V, Bà L nợ cả vốn và lãi là 1.581.800.000 đồng, trong đó tiền vốn là 1.123.800.000 đồng, tiền lãi là 458.000.000 đồng. Ngoài ra, giữa nguyên đơn và bị đơn không còn khoản nợ hay giao dịch nợ nào khác.

Đối với các khoản nợ hui và nợ vay nêu trên Bà L là người trực tiếp giao dịch với vợ chồng ông bà, còn Ông V thỉnh thoảng có đem tiền đóng hui cho vợ chồng ông bà. Do các khoản nợ nêu trên là nợ chung của vợ chồng Ông V, Bà L nên tại đơn khởi kiện, ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Ông V, Bà L trả tổng số tiền 2.022.307.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Bà L và bà Ông V trả tổng số tiền nợ hui, lãi nợ hui, tiền vốn vay và lãi tiền vay là 1.832.749.000 đồng. Trong đó số tiền hui là 174.500.000 đồng, lãi hui tính từ ngày 30/5/2020 âm lịch đến ngày 16/4/2022 âm lịch theo lãi suất 1,66%/tháng = 68.072.000 đồng; tiền vốn vay là 1.123.800.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/3/2020 âm lịch đến ngày 16/4/2022 âm lịch là 25 tháng x 1,66%/tháng = 466.377.000 đồng.

Theo các biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trương Thúy Linh là Bà H trình bày:

Về số tiền nợ hui: Do chỗ quen biết nên vào ngày 10/10/20218 âm lịch, bà có tham gia hai dây hui (dây hui thứ nhất và dây hui thứ hai), hui 5.000.000 đồng; tiền đầu thảo 3.000.000 đồng; 20 ngày khui một lần vào ngày 30 và ngày 10 hàng tháng; hui mãn vào ngày 30/5/2020 âm lịch, bà bỏ hui, hốt hui, nhận tiền giao hui và viết biên nhận theo lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Hiện nay còn nợ nguyên đơn số tiền nợ hui 174.500.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 16/4/2022 âm lịch (nhằm ngày 16/5/2022 dương lịch) là 68.072.000 đồng.

Về số tiền nợ vay: Ngày 23/3/2020 âm lịch, bà có vay tiền của Bà T tổng số tiền 1.123.800.000 đồng khi vay có thỏa thuận miệng góp trong thời gian 4 tháng; lãi suất từ 15 - 20%/tháng, khi hai bên giao nhận tiền không có giấy tờ, hay biên nhận gì thể hiện. Do đến hạn trả không có tiền trả lãi nên đến ngày 23/7/2020 âm lịch, giữa Bà L và Bà T có chốt nợ lại, Bà L nợ số tiền vốn vay là 1.123.800.000 đồng; nợ tiền lãi từ ngày 23/3/2020 âm lịch đến ngày 23/7/2020 âm lịch là 4 tháng lãi với số tiền là 458.000.000 đồng. Bà L thừa nhận có viết biên nhận nợ, tổng số tiền vay bà nợ Bà T cả vốn và lãi là 1.581.800.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 23/7/2020 âm lịch do nguyên đơn nộp có tại hồ sơ vụ án là đúng.

Việc Bà L tham gia chơi hui và vay tiền của Bà T là để phục vụ cho việc kinh doanh bán thịt heo, nuôi tôm, chăn nuôi và dùng vào tiêu dùng cá nhân, Bà L là người giao dịch trực tiếp với Bà T, Ông V không hề hay biết và không liên quan gì đến số nợ trên. Ông V biết đến các khoản nợ hui và tiền vay của Bà L nợ Bà T khi Cơ quan điều tra Công an tỉnh Cà Mau mời làm việc.

Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng Bà L, Ông V có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hui 174.500.000 đồng và tiền lãi nợ hui là 68.072.000 đồng và tổng số tiền vốn vay và lãi là 1.590.177.000 đồng. Bà không đồng ý. Do các khoản nợ nêu trên là nợ riêng của cá nhân Bà L và không có liên quan gì đến Ông V nên Bà L nhận toàn bộ trách nhiệm trả số tiền nợ hui là 174.500.000 đồng, lãi hui tính từ ngày 30/5/2020 âm lịch đến ngày 16/4/2022 âm lịch theo lãi suất 1,66%/tháng =

68.072.000 đồng và số tiền vốn vay là 1.123.800.000 đồng cho nguyên đơn. Riêng đối với khoản lãi tiền vay thì Bà L đồng ý mức tính lãi 1,66%/tháng, không đồng ý mốc thời gian tính lãi từ ngày 23/3/2020 âm lịch cho đến ngày 16/4/2022 âm lịch, Bà L yêu cầu tính lãi là ngày 28/5/2021 (ngày nguyên đơn yêu cầu Công an tỉnh Cà Mau giải quyết) cho đến ngày xét xử là 18/5/2022 trên số tiền vốn vay.

Theo các biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Văn Nhiệt là Bà H trình bày:

Ông V và Bà L chung sống vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phú, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Trong quá trình chung sống, Ông V và Bà L không có tài sản chung nhưng có một con chung tên Nguyễn Nguyên Khôi, sinh ngày 08/6/2015. Ông V không biết gì về số nợ vay và nợ hui trên cho đến khi Công an tỉnh Cà Mau (ngày 04/6/2021) mời làm việc thì ông mới biết. Đối với tiền nợ vay và nợ hui mà nguyên đơn khởi kiện phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của Ông V và Bà L và đến nay thì giữa ông và Bà L chung sống chung một gia đình, vợ chồng cùng chăm lo làm ăn, xây dựng gia đình, chăm, sóc nuôi dạy con chung là Nguyễn Nguyên Khôi.

Việc nguyên đơn yêu cầu vợ chồng Ông V, Bà L có trách nhiệm trả số tiền 1.832.749.000 đồng. Ông V không đồng ý vì Ông V không biết gì về số nợ này.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Trần Lệ Thủy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ông V và Bà L cùng có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là: 1.832.749.000 đồng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau về chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 468; 471 của Bộ luật dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Bà L và Ông V trả cho nguyên đơn tổng 1.832.749.000 đồng; Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp nợ hui và hợp đồng vay tài sản.

[1.2] Về thẩm quyền Tòa án giải quyết: Bị đơn Bà L và Ông V có nơi cư trú tại số 37, ấp 3, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau nên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.3] Ngày 12 tháng 11 năm 2021, nguyên đơn nộp đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự cho nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án không hòa giải vụ án mà tiến hành thu thập

chứng cứ theo quy định và đưa vụ án ra xét xử là đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà T đã được tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về nội dung tranh chấp: Vào ngày 10 tháng 8 năm 2018 âm lịch, bị đơn có tham gia chơi 04 phần hụi ở 02 dây hụi, hụi 5.000.000 đồng, mỗi dây hụi 02 phần, việc giao nhận tiền hốt hụi có viết biên nhận và ký nhận của bị đơn Linh, hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ hụi chết là 174.500.000 đồng. Ngoài ra, vào 23/3/2020 âm lịch, nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 1.123.800.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Thời hạn vay 04 tháng; mục đích vay phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Khi giao nhận tiền vay bị đơn không có viết biên nhận nhưng đến ngày 23/7/2020 âm lịch nguyên đơn và bị đơn chốt nợ lại nên bị đơn Trương Thúy Linh có viết biên nhận nợ, nợ số tiền vốn là 1.123.800.000 đồng, tính lãi từ ngày 23/3/2020 âm lịch đến ngày 16/4/2022 âm lịch theo lãi suất 1,66%/tháng là 25 tháng bằng số tiền lãi là 466.377.000 đồng. Từ khi vay tiền và hốt hụi cho đến nay bị đơn không thanh toán lãi, không trả tiền vốn vay và không trả tiền nợ hụi chết cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả tiền nhiều lần nhưng bị đơn không thực hiện, bị đơn Trương Thúy Linh thừa nhận nợ và cho rằng nguyên đơn cho vay lãi suất từ 15% - 20%/tháng nên yêu cầu đổi trừ tính lãi từ ngày 28/5/2022, theo mức lãi suất 1,66%/tháng; bị đơn Nguyễn Văn Nhiệt cho rằng không biết nên không đồng ý cùng có trách nhiệm với bị đơn Trương Thúy Linh trả số tiền trên cho nguyên đơn nên hai bên phát sinh tranh chấp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.2.1] Đối với yêu cầu tiền nợ hụi và lãi nợ hụi: Xét thấy vào ngày 10/8/2018 âm lịch nguyên đơn có làm chủ hụi và mở 02 dây hụi, hụi 5.000.000 đồng, cho nhiều người tham gia góp hụi, hụi mãn vào ngày 30/5/2020 âm lịch và căn cứ vào danh sách hụi viên, biên nhận giao nhận tiền hụi do nguyên đơn giao nộp có tại hồ sơ vụ án và tại biên bản ghi lời khai của bị đơn, có đủ cơ sở xác định bị đơn tham gia tổng cộng 04 phần hụi đối với cả 02 dây hụi, mỗi dây 02 phần và bị đơn Trương Thúy Linh thừa nhận còn nợ và đồng ý trả nguyên đơn tổng số tiền hụi là 174.500.000 đồng và tiền lãi hụi là 68.072.000 đồng. Vì vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền này cho nguyên đơn là phù hợp.

[2.2.2] Đối với yêu cầu tiền nợ vay: Căn cứ biên nhận nợ do bị đơn Trương Thúy Linh viết và ký nhận, lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, lời trình bày của nguyên đơn, lời thừa nhận của bị đơn Trương Thúy Linh tại biên bản ghi lời khai và lời thừa nhận của đại diện theo ủy quyền của bị đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ngày 23/3/2020 âm lịch bị đơn Trương Thúy Linh có vay tiền của nguyên đơn với số tiền 1.123.800.000 đồng; thời hạn vay là 04 tháng, khi vay có thỏa thuận lãi suất nhưng đến thời điểm thanh toán bị đơn không trả tiền vốn và tiền lãi cho nguyên đơn nên bị đơn Trương Thúy Linh viết biên nhận nợ 23/7/2020 âm lịch cho nguyên đơn là thực tế có xảy ra.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định thỏa thuận lãi suất cho vay 5%/tháng, sau khi vay bên vay chưa trả tiền vốn và tiền lãi nhưng bị đơn Trương Thúy Linh cho rằng thỏa thuận lãi suất 15% đến 20%/tháng, bằng số tiền lãi 458.000.000 đồng trên số tiền vốn 1.123.800.000 đồng trong thời hạn 04 tháng được thể hiện tại biên nhận nợ có tại hồ sơ vụ án ngoài ra không còn khoản nợ vay nào khác. Từ đó cho thấy rằng, đối với khoản tiền vay, khi giao dịch các bên có thỏa thuận lãi suất, ngày vay tiền là 23/3/2020 âm lịch là thực tế có xảy ra. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu điều chỉnh mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian yêu cầu tính lãi từ ngày 23/3/2020 âm lịch đến ngày 16/5/2022 dương lịch nhằm ngày 16/4/2022 âm lịch để làm tròn, là 25 tháng = 466.377.000 đồng. Bị đơn Trương Thúy Linh đồng ý còn nợ và đồng ý trả số tiền vốn vay là 1.123.800.000 đồng, thống nhất mức lãi suất 1,66%/tháng để tính lãi trên số tiền vốn nhưng không đồng ý ngày bắt đầu tính lãi từ ngày 23/3/2020 âm lịch mà yêu cầu tính lãi từ ngày 28/5/2021 cho đến ngày xét xử là 18/5/2022 dương lịch.

Xét thấy yêu cầu và điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn là 1,66%/tháng, bị đơn thống nhất áp dụng mức lãi suất 1,66%/tháng để làm căn cứ tính lãi đối với số tiền vốn vay nên ghi nhận mức tính lãi 1,66%/tháng để làm căn cứ tính lãi đối với khoản tiền vay là có căn cứ.

Về thời gian tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 23/3/2020 âm lịch cho đến ngày 16/4/2022 âm lịch (nhằm ngày 16/5/2022 dương lịch) trên số tiền vốn vay là 1.123.800.000 đồng là phù hợp với thời gian giao dịch tiền vay giữa nguyên đơn và bị đơn thừa nhận là ngày 23/3/2020 âm lịch cho nên yêu cầu thời gian tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Đối với yêu cầu của bị đơn tính lãi phát sinh từ ngày 28/5/2021 (ngày nguyên đơn yêu cầu công an tỉnh Cà Mau giải quyết) là không có cơ sở và không phù hợp với thời gian giao dịch khoản nợ vay được nguyên đơn và bị đơn thừa nhận nên không được chấp nhận. Vì vậy, yêu cầu tính lãi và số tiền lãi của nguyên đơn được chấp nhận là $1.123.800.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/\text{tháng} \times 25 \text{ tháng}$ (từ ngày 23/3/2020 âm lịch đến ngày 16/4/2022 âm lịch) = 466.377.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền vốn vay và tiền lãi bị đơn còn nợ và phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là: 1.123.800.000 đồng + 466.377.000.000 đồng = 1.590.177.000 đồng.

[4] Ông T và Bà T xác định các khoản nợ hui, nợ vay và tiền lãi là tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu vợ chồng Bà L và Ông V cùng có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ nêu trên. Vợ chồng Ông V và Bà L lại cho rằng các khoản nợ nêu trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, Ông V và Bà L có một người con chung, không có tài sản chung, vợ chồng sống chung trong một gia đình, chăm lo làm ăn, xây dựng gia đình và cùng chăm sóc nuôi dạy con chung. Riêng Ông V cho rằng không biết gì về các khoản nợ trên nên không đồng ý cùng với Bà L trả nợ cho vợ chồng Ông T và Bà T, còn Bà L lại cho rằng các khoản nợ nêu trên của riêng Bà L, Bà L chơi hui và vay nợ là để phục vụ cho việc mua bán, nuôi tôm và tiêu dùng cá nhân nên Bà L nhận toàn bộ trách nhiệm trả các khoản nợ nêu trên cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại thời điểm Bà L và Ông V tham gia góp hui, bỏ hui, lĩnh hui và vay tiền cũng như tại thời điểm Bà L nhận nợ và

viết biên nhận, ký biên nhận thì Ông V và Bà L vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân hợp pháp, tham gia góp hụi và vay tiền cũng nhằm mục đích để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu gia đình, chăm sóc nuôi dạy con chung là thực tế đã xảy ra. Đối với lời trình bày của Ông V và Bà L là không có căn cứ bởi lẽ ngoài lời trình bày ra thì Ông V và Bà L không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận. Do đó, cần buộc Ông V và Bà L cùng có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ hụi, tiền nợ vay, tiền lãi cho nguyên đơn là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định trên số tiền yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 147, 207 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468; 471 của Bộ luật dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông T và Bà T.

Buộc Ông V và Bà L cùng có trách nhiệm thanh toán cho Ông T và Bà T tổng số tiền là: 1.832.749.000 đồng (trong đó: Tiền nợ hụi 174.500.000 đồng, lãi hụi 68.027.000 đồng; Tiền vốn vay 1.123.800.000 đồng, tiền lãi 466.377.000 đồng).

Kể từ ngày Ông T và Bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ông V và Bà L không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông V và Bà L phải chịu là 66.982.000 đồng (chưa nộp). Ngày 01/11/2021 Ông T và Bà T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 36.223.000 đồng theo biên lai thu số 0000567 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND Tp.Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

Nguyễn Văn Linh